**TRƯỜNG TIỂU HỌC .....** *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

# PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

## MÔN TOÁN – KHỐI 3

## PHIẾU SỐ 10

*Thời gian làm bài: 30 phút*

**PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM** *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

**Câu 1.** Số 752 đọc là:

**A.** Bảy trăm năm mươi hai **B.** Bảy trăm hai mươi lăm

**C.** Bảy trăm sáu mươi hai **D.** Hai trăm năm mươi bảy

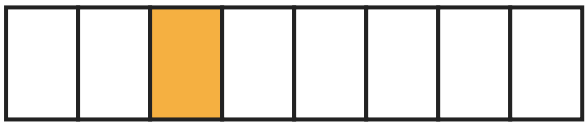
**Câu 2.** Kết quả của phép chia 30 : 6 là:

**A.** 6 **B.** 24 **C.** 5 **D.** 4

**Câu 3.** Gấp 24 lên 8 lần được:

**A.** 192 **B.** 216 **C.** 32 **D.** 200

**Câu 4.** Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



**A.** 1/2 **B.** 1/6 **C.** 1/8 **D.** 1/7

**Câu 5.** Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 kg = ……. g

**A.** 5000 **B.** 50000 **C.** 50 **D.** 500

**Câu 6.** Hình tứ giác có bao nhiêu cạnh?

**A.** 3 cạnh **B.** 5 cạnh **C.** 4 cạnh **D.** 6 cạnh

**PHẦN 2. TỰ LUẬN** *(Học sinh trình bày lời giải)*

**Bài 1.** Tính giá trị của biểu thức:

a) 198 + 33 × 9 = …….

b) 71 − 48 : 8 = …….

c) (46 + 25) × 4 = …….

**Bài 2.** Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 × 4 ……. 27

b) 1 cm ……. 10 mm

c) 6 m 7 cm ……. 616 cm

d) 1/4 của 12 ……. 1/3 của 18

**Bài 3.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/5 của 35 cm là ……. cm

b) 1/8 của 48 phút là ……. phút

c) 1/4 của 24 m là ……. m

**Bài 4.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 36 lên 6 lần: …….

b) Giảm 54 đi 6 lần: …….

c) 54 thêm 5 đơn vị: …….

d) Gấp 54 lên 5 lần: …….

**Bài 5.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 90 mm = ……. cm

b) 7 l = ……. ml

c) 4 cm = ……. mm

d) 9 kg = ……. g

**Bài 6.** Lớp 3A có 39 học sinh, mỗi bàn ngồi 5 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất ……. cái bàn

**HẾT**

# ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

*Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 10*

## Phần 1. Trắc nghiệm

| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Đáp án | A | C | A | C | A | C |

## Phần 2. Tự luận

**Bài 1.**

a) 198 + 33 × 9 = 198 + 297 = 495

b) 71 − 48 : 8 = 71 − 6 = 65

c) (46 + 25) × 4 = 71 × 4 = 284

**Bài 2.**

a) 7 × 4 = 28 nên điền dấu «>»

b) 1 cm = 10 mm nên điền dấu «=»

c) 6 m 7 cm = 607 cm nên điền dấu «<»

d) 1/4 của 12 là 3; 1/3 của 18 là 6 nên điền dấu «<»

**Bài 3.**

a) 35 : 5 = 7 (cm)

b) 48 : 8 = 6 (phút)

c) 24 : 4 = 6 (m)

**Bài 4.**

a) 36 × 6 = 216

b) 54 : 6 = 9

c) 54 + 5 = 59

d) 54 × 5 = 270

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

**Bài 5.**

a) 90 mm = 9 cm (vì 10 mm = 1 cm)

b) 7 l = 7000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

c) 4 cm = 40 mm (vì 1 cm = 10 mm)

d) 9 kg = 9000 g (vì 1 kg = 1000 g)

**Bài 6.**

39 : 5 = 7 (dư 4). Còn 4 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 7 + 1 = 8 (bàn).